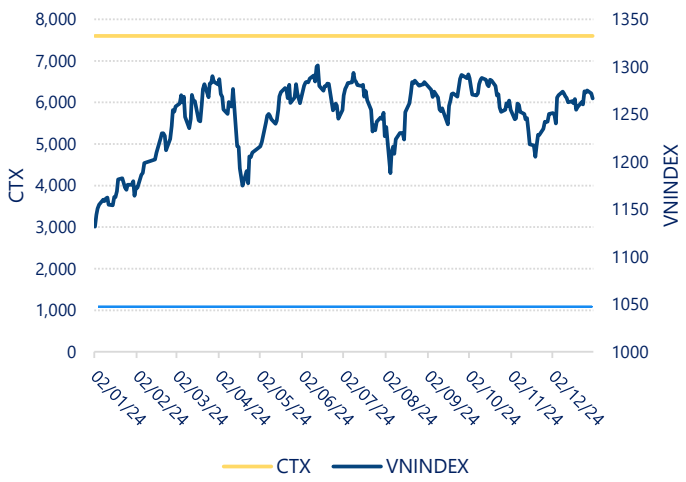
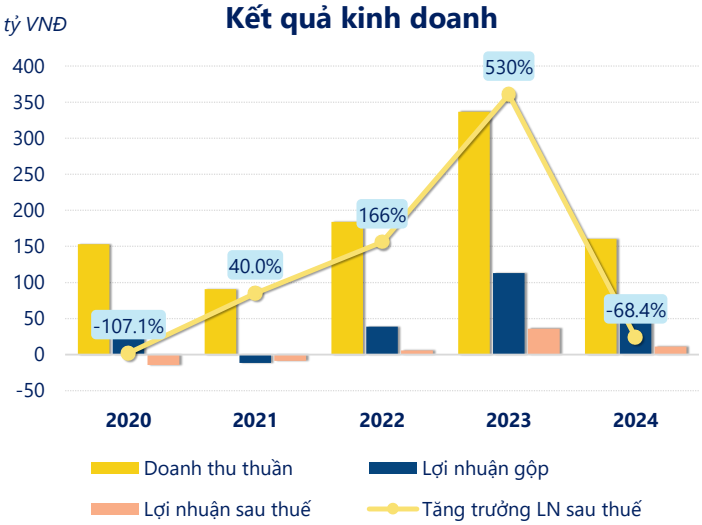
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	7,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

	2024	YoY
DT thuần	161 tỷ VNĐ	▼ 176 ▼ 52.3%
LN gộp	49.0 tỷ VNĐ	▼ 64.0 ▼ 56.6%
LN thuần	1.27 tỷ VNĐ	▼ 44.2 ▼ 97.2%
LN sau thuế	11.3 tỷ VNĐ	▼ 24.4 ▼ 68.4%

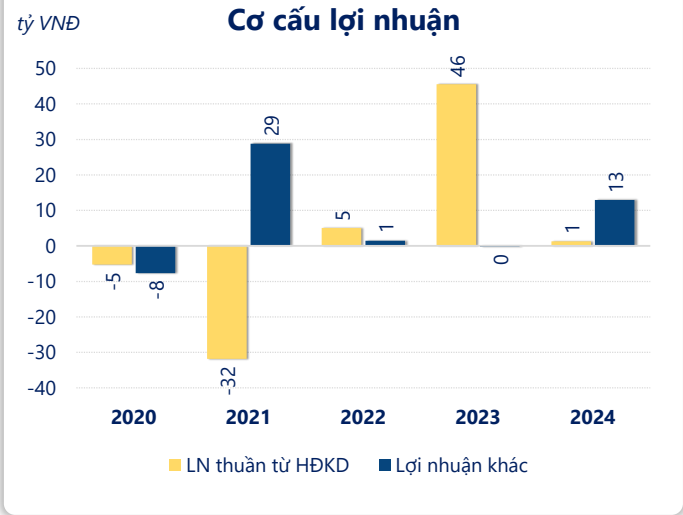
	2024	+/- YoY
ROE	1.1%	▼ 2.5%
ROA	0.6%	▼ 1.1%

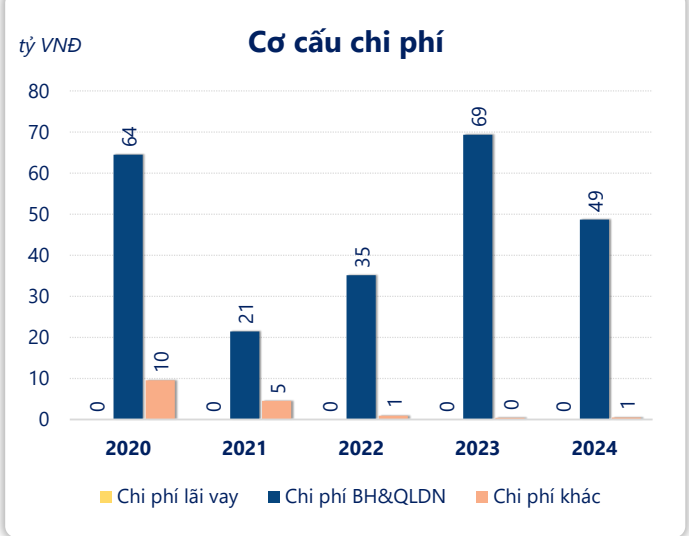




Kết quả kinh doanh **CTX** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 52.3%** chỉ còn **160.6** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 68.4%** chỉ còn **11.28** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **1.11%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

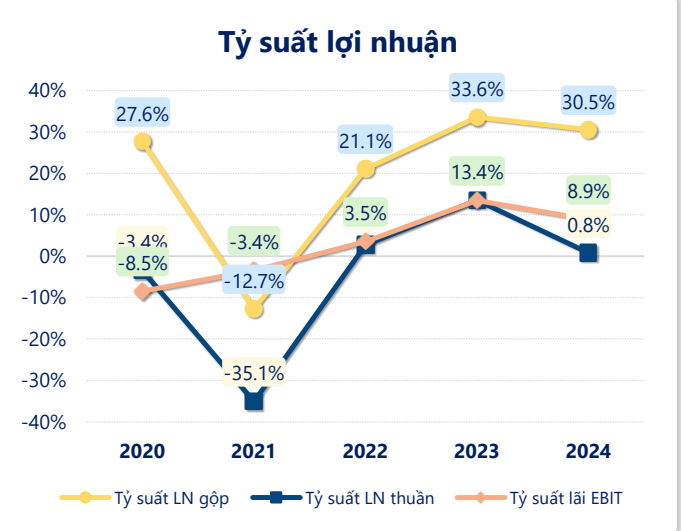


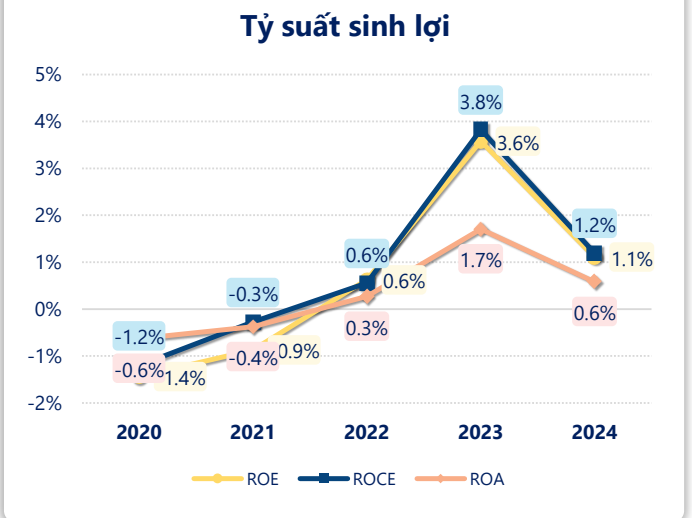


Năm **2024**, **CTX** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **1.27** tỷ đồng, **giảm đi 44.27** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (2.95 tỷ đồng) là 1.68 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

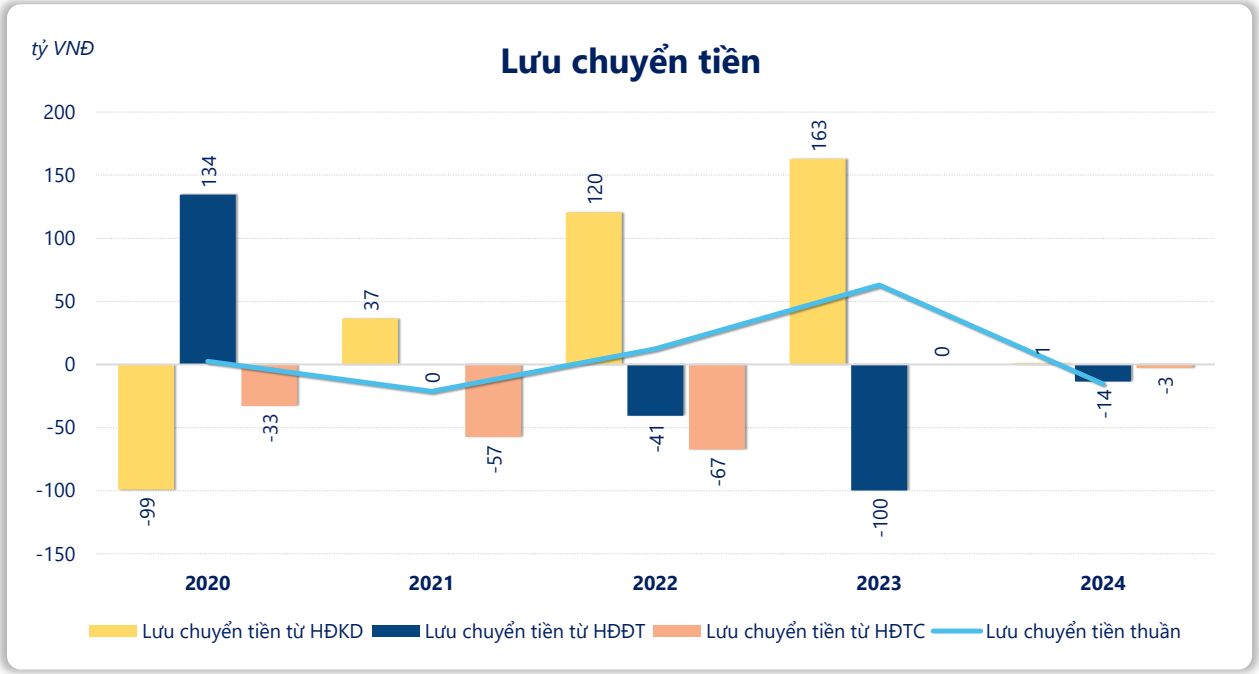
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **48.70** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.50** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của CTX năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **1.11%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**153**	**90.9**	**184**	**337**	**161**
Giá vốn hàng bán	111	102	145	224	112
Lợi nhuận gộp	**42.3**	**-11.6**	**38.8**	**113**	**49.0**
Doanh thu HĐTC	16.9	1.13	1.36	2.01	1.40
Chi phí TC	0.00	0	0	0.19	0.43
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.2	2.33	7.49	18.9	13.8
Chi phí QLDN	35.2	19.1	27.6	50.3	34.9
LN thuần từ HĐKD	**-5.23**	**-31.9**	**5.05**	**45.5**	**1.27**
Lợi nhuận khác	-7.70	28.8	1.46	-0.30	12.9
LN trước thuế	**-12.9**	**-3.11**	**6.51**	**45.2**	**14.2**
Lợi nhuận sau thuế	**-14.4**	**-8.61**	**5.67**	**35.7**	**11.3**
LNST của CĐ cty mẹ	**-14.3**	**-8.55**	**6.10**	**35.8**	**11.3**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của CTX bằng **-15.33** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (62.96 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1.19** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-13.54** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-2.99** tỷ đồng.